

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-5-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2021/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân:

Bà T và ông Hoàng Văn P kết hôn với nhau vào năm 1991 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa P và có đăng ký kết hôn số 74 ngày 23/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và quan điểm trong làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, ông P mãi chơi, không quan tâm đến gia đình, quan tâm đến tình cảm, kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai và đã sống ly thân, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông P.

2. Về con chung:

Bà T trình bày bà và ông P có 02 con chung tên là Hoàng Văn Nam sinh ngày 05/01/1992 và Hoàng Thị P Linh sinh ngày 06/8/2003. Con chung tên Hoàng Văn Nam hiện đã đủ 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con đối với con tên Nam. Khi ly hôn, bà đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Thị P Linh, về cấp dưỡng nuôi con chung để bà và ông P tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Bà T trình bày bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hoàng Văn P là bị đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, ông đã trình bày quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi cưới ông bà về sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của ông tại thôn 4, xã H. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế dẫn đến giữa vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành. Do mâu thuẫn vợ chồng ông đã sống ly thân. Nay bà T có đơn xin ly hôn, vợ chồng từ lâu đã không còn tình cảm vì vậy ông đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là tên là Hoàng Văn Nam sinh ngày 05/01/1992 và Hoàng Thị P Linh sinh ngày 06/8/2003. Hiện nay cháu Nam đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu Linh cũng đã lớn

nguyện vọng của cháu ở với ai là quyền của cháu, ông cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Về tài sản chung: Ông trình bày vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để vợ chồng có thời gian suy nghĩ thêm về việc ly hôn.

Biên bản xác minh ngày 09/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng thể hiện: Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 vào ngày 23/12/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại thôn 4, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay. Bà T và ông P có hai con chung tên là Hoàng Văn Nam sinh ngày 05/01/1992 và Hoàng Thị P Linh sinh ngày 06/8/2003, con chung Hoàng Văn Nam đã trưởng thành, có khả năng lao động và có gia đình riêng, ông P và bà T đều có điều kiện nuôi con đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết. Về tài sản chung của vợ chồng: Địa P không nắm được và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, đương sự chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn P; về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung tên là Hoàng Thị P Linh sinh ngày 06/8/2003 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn P đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 23/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa P thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn đã trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được, do mâu thuẫn vợ chồng nên bà T và ông P sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa bà T và ông P.

[3]. Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên là Hoàng Văn Nam sinh ngày 05/01/1992 và Hoàng Thị P Linh sinh ngày 06/8/2003. Con chung tên Hoàng Văn Nam hiện đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và đã có gia đình riêng nên bà T không yêu cầu giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con đối với con tên Nam và Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Thị P Linh, về cấp dưỡng nuôi con chung để bà và ông P tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, bà T có đủ điều kiện, khả năng nuôi con chung và con chung Hoàng Thị P Linh có nguyện vọng mong muốn được ở với bà T khi ly hôn. Do vậy, cần giao con chung Hoàng Thị P Linh cho bà T trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông P không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà T, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn P.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung tên là Hoàng Thị P Linh sinh ngày 06/8/2003 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Hoàng Văn P không có ý kiến, quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015771 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H, T,
(Giấy CNKH số 74 ngày 23/12/2002);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân